

CÔNG TY CỔ PHẦN TOSHI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TOSHI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TOSHI VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TOSHI VIETNAM.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110118981

3. Ngày thành lập: 15/09/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

A3-2804 Ecolife Capitol, số 58 Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986262969

Fax:

Email: info@toshi.com.vn

Website: www.toshi.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình nhưng yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị chuyên môn hóa như: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái các công trình nhà để ở, + Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo, + Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390

5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) - Bán buôn xe có động cơ khác, loại mới và loại đã qua sử dụng: Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-móc và bán rơ-móc; Ô tô chuyên dụng: Xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa. (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Bán buôn mô tô, xe máy; bán lẻ mô tô, xe máy; đại lý mô tô, xe máy. (Trừ Đầu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ Đầu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - - Đại lý bán hàng hóa; - - Môi giới mua bán hàng hóa; (Trừ đầu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
15.	Bán buôn thực phẩm	4632
16.	Bán buôn đồ uống	4633
17.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

18.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế ; - - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao.	4649
19.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
20.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế ; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
23.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng).	4662
25.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

26.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp): Bán buôn hóa chất công nghiệp như: hoá chất tẩy rửa công nghiệp, Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,... - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh - Bán buôn cao su - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
27.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
28.	Khai thác và thu gom than non	0520
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
31.	Giáo dục nhà trẻ	8511
32.	Giáo dục mẫu giáo	8512
33.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
34.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
35.	Đào tạo sơ cấp	8531
36.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
37.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp	8559
38.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

39.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên.	9329
40.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
41.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
42.	Lập trình máy vi tính	6201
43.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
44.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
45.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
46.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
47.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, chứng khoán)	6619
48.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
49.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quản lý bất động sản (Trừ đấu giá bất động sản, quyền sử dụng đất)	6820
50.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	7020

51.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội – ngoại thất công trình; Thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện – cơ điện công trình; Thiết kế cấp – thoát nước công trình; Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Giám sát thi công xây dựng công trình - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Thi công xây dựng công trình - Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hòa tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình - Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực; thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Tư vấn thẩm định dự án, kiểm định chất lượng công trình xây dựng - Tư vấn lập quy hoạch xây dựng - Lập hồ sơ mời thầu, mở thầu và phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu - Tư vấn trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Tư vấn đánh giá tác động môi trường và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường - Quan trắc môi trường (Đối với ngành nghề có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7110
-----	---	------

52.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: - Kiểm tra âm thanh và chấn động; - Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất...; - Kiểm tra trong lĩnh vực vệ sinh thực phẩm, bao gồm kiểm tra thú y và điều khiển quan hệ với sản xuất thực phẩm; - Kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, ví như độ chịu lực, độ bền, độ dày, năng lực phóng xạ...; - Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy; - Kiểm tra hiệu ứng của máy đã hoàn thiện: Mô tô, ô tô, thiết bị điện...; - Kiểm tra kỹ thuật hàn và mối hàn; - Phân tích lỗi; - Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường: ô nhiễm không khí và nước...; - Chứng nhận sản phẩm, bao gồm hàng hóa tiêu dùng, xe có động cơ, máy bay, vỏ điều áp, máy móc nguyên tử	7120
53.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
54.	Quảng cáo	7310
55.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
56.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
57.	Cho thuê xe có động cơ	7710
58.	Bán buôn tổng hợp	4690
59.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
60.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
63.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
64.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
65.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
66.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010

67.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
68.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
69.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
70.	In ấn	1811
71.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
72.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại Nhà nước cấm)	1820
73.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
74.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
75.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
76.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
77.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
78.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
79.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
80.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
81.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
82.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
83.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
84.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
85.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
86.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
87.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
88.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
89.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
90.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất tủ lạnh hoặc thiết bị làm lạnh công nghiệp, bao gồm dây chuyền và linh kiện chủ yếu; - Sản xuất máy điều hoà nhiệt độ, dùng cho cả mô tô; - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất thiết bị cho việc phun, làm phân tán chất lỏng hoặc bột như: Súng phun, bình cứu hoả, máy phun luồng cát, máy làm sạch hơi...	2819
91.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
92.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

93.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
94.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
95.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
96.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ vàng trang sức mỹ nghệ, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ xe đạp và phụ tùng lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng lưu động hoặc tại chợ (trừ hoạt động đấu giá).	4789
97.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
98.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng) (Trừ đấu giá)	4799
99.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
100.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách.	4932
101.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác	4933
102.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

103.	Bốc xếp hàng hóa	5224
104.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động điều hành bến xe; - Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ; - Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ; - Hoạt động lai dắt, cứu hộ đường bộ	5225
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay.	5229
106.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự.	5510
107.	Cơ sở lưu trú khác	5590
108.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); - Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác;	5610
109.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
110.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
111.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
112.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	5820

113.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
114.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
115.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
116.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước - Cung ứng và quản lý nguồn lao động nước ngoài	7830
117.	Đại lý du lịch	7911
118.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa; Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài; Dịch vụ du lịch khác: Dịch vụ ăn uống, dịch vụ mua sắm, dịch vụ thể thao, dịch vụ vui chơi, giải trí, du thuyền, dịch vụ chăm sóc sức khỏe	7912
119.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
120.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
121.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
122.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
123.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
124.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
125.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
126.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
127.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
128.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
129.	Sản xuất điện	3511
130.	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện	3512

131.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
132.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
133.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
134.	Thu gom rác thải độc hại	3812
135.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
136.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
137.	Tái chế phế liệu	3830
138.	Xây dựng nhà để ở	4101
139.	Xây dựng nhà không để ở	4102
140.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
141.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
142.	Xây dựng công trình điện	4221
143.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
144.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
145.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
146.	Xây dựng công trình thủy	4291
147.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
148.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
149.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
150.	Phá dỡ	4311
151.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
152.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
153.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
154.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
155.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
156.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

157.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh.	4759
158.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
159.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
160.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
161.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
162.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
163.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

164.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ vàng trang sức, bạc, đá quý và đá bán quý,, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng) - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ HỒNG DUY	2320 - CT11 KĐT Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	300.000	3.000.000.000	6,000	0380850003 36	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	300.000	3.000.000.000	6,000		

2	ĐỖ VĂN THƯỢNG	P410 – CT10B KĐT Đại Thanh, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	036082008977	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000		
3	BÙI NGỌC LINH	110 – A12, TT HVQP, tổ 33, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	8,000	036085012316	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	8,000		
4	ĐOÀN DUY NGỌC	Số 7 hẻm 475/20/49 Nguyễn Trãi, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250.000	12.500.000.000	25,000	036082005837	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.250.000	12.500.000.000	25,000		

5	VŨ ĐỨC ĐỘ	P506 – CT4 KĐT Đặng Xá, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	10,000	0330840005 51	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	10,000		
6	ĐÀO VĂN HÙNG	Căn hộ số 2, tầng 9 tháp D, khu nhà ở cho CBNV VP TW Đảng và Bảo Nhân dân, TDP 8, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	16,000	0360840002 00	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	16,000		
7	ĐỖ VĂN DUY	Số nhà 1, ngõ 96, đường Chiến Thắng, khu tập thể H18 - Bộ Công an, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.0 00	10.000.000.000	20,000	0360850006 87	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000.0 00	10.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ VĂN DUY**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *20/05/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *036085000687*

Ngày cấp: *07/01/2022*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P2108 – CT12A KĐT Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 1, ngõ 96, đường Chiến Thắng, khu tập thể H18 - Bộ Công an, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội